

Bản án số: 04/2022/KDTM - PT

Ngày: 22/02/2022

V/v “*Tranh chấp bàn giao tài sản
công ty*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiên

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Trần Quốc Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 20/2021/TLPT-KDTM ngày 02/12/2021 về việc “*Tranh chấp bàn giao tài sản công ty*”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KSTM-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1071/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Xi măng N; Địa chỉ trụ sở: Số 67 đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình T, Giám đốc, có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Văn V – VPLS L, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị S, sinh năm 1964; Địa chỉ thành phố Đà Nẵng, có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Trung T - Nguyên Quản đốc Phân xưởng Xi măng - hiện là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt

2. Ông Lê D - Phó Quản đốc Phân xưởng Xi măng - Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: TP Đà Nẵng, vắng mặt

3. Ông Nguyễn Công B - Nguyên Trưởng phòng Vật tư Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: TP Đà Nẵng, vắng mặt
 4. Bà Nguyễn Thị Kim N - Phó Phòng Kế hoạch-Vật tư-Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: TP Đà Nẵng, có mặt
 5. Ông Bùi T H - Đốc công Phân xưởng Xi măng-Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: quận L, TP Đà Nẵng, vắng mặt
 6. Ông Phạm Trọng T - Đốc công Phân xưởng Xi măng-Công ty Cổ phần Xi măng N; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt
 7. Ông Nguyễn T T - Đốc công Phân xưởng Xi măng-Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt
 8. Bà Nguyễn Thị H-Nhân viên Thống kê kiêm Thủ kho Phân xưởng Xi măng-Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: Số 67 N, phường H, TP Đà Nẵng, có mặt
 9. Bà Hồ Thị T T - Thủ kho-Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt
 10. Bà Nguyễn Thị Tuyết M-Nguyên Kế toán Trưởng-Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt
 11. Bà Huỳnh Thị Kim L-Phó Phòng Kế toán-Công ty Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt
 12. Ông Nguyễn Xuân H-Trưởng phòng Kỹ thuật-Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt
 - 13/ Bà Nguyễn Thị M-Trưởng Ban kiểm soát-Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: TP Đà Nẵng, có mặt
 14. Ông Văn Đức T-Trưởng Ban bảo vệ-Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: Số 142/17 N, phường H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt
 15. Ông Đoàn Văn N-Nguyên Trưởng Phòng Tổ chức-Hành chính-Cổ phần Xi măng N. Địa chỉ: Đà Nẵng, vắng mặt
- * **Người kháng cáo:** Công ty Cổ phần Xi Măng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn đại diện Công ty Xi Măng N trình bày:

Bà Phạm Thị S nguyên là Giám đốc-kiêm chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần xi măng N từ năm 2012 đến ngày 31 tháng 1 năm 2019. Trong quá trình điều hành và quản lý công ty của mình, bà S đã có những sai phạm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của công ty cụ thể như sau:

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 bà S đã thành lập ban kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm hàng hóa tồn kho hiện tại của công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong đó, bà Huỳnh Thị kim L-Phó phòng kế toán vật tư kiêm Kế toán tổng hợp của Công ty, đồng thời là con dâu của bà S và bà Nguyễn Thị Kim N Phó phòng Kế hoạch vật tư kiêm Thống kê vật tư là cháu bà S là những người trực tiếp

tổng hợp số liệu, lập bản kiểm kê vào ngày 02 tháng 01 năm 2019. Sau khi việc kiểm tra kết thúc, bà S đã chỉ đạo nhân viên lập báo cáo quyết toán tài chính quý IV năm 2018 và gửi đến các thành viên lãnh đạo Công ty (trong đó ông Trần Đình T lúc này đang giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh) vào sáng ngày 17 tháng 01 năm 2019, trước ngày dự kiến tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2019 một ngày. Trong cuộc họp sáng ngày 17 tháng 01 năm 2019 ông Trần Đình Thành đã yêu cầu bà S cam kết tính chính xác, trung thực về số liệu trong Báo cáo quyết toán tài chính và yêu cầu bà S giải thích lý do không thực hiện việc tổ chức họp giải quyết hàng thừa, thiếu trước khi lập Báo cáo quyết toán tài chính năm 2019. Tại thời điểm đó trước sự chứng kiến của các thành phần tham dự bà S khẳng định khối lượng Clinker tồn kho 500 tấn và chịu trách nhiệm trong trường hợp thiếu hụt. Tuy nhiên, vì câu trả lời của bà S không có căn cứ, hoàn toàn mang tính chủ quan, không giải đáp được thắc mắc của thành phần tham dự nên chúng tôi đã đề nghị bà S chỉ đạo cho kế toán lập lại Báo cáo quyết toán quý IV năm 2018, từ đó kéo theo phải điều chỉnh Quyết toán quý IV từ lãi 29.744.683đ sang lỗ 243.060.496đ.

Ngoài ra, bảng giá thành sản phẩm tháng 12 năm 2018 đã không được gửi đến ông Trần Đình T theo đúng quy định pháp luật và nội quy Công ty. Điều này lại một lần nữa tạo nên nghi ngờ về tính chính xác trung thực trong quá trình điều hành công tác kiểm kê kế toán tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 Công ty đã tổ chức cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018. Tại cuộc họp này, Đại hội Cổ đông thống nhất thông qua việc bà S từ nhiệm chức Giám đốc và Chủ tịch HĐQT, thành lập Ban Điều hành mới có ông Trần Đình T lên giữ chức vụ Giám đốc, bà Huỳnh Thị kim L giữ chức vụ Kế toán trưởng cùng các thành viên khác. Đồng thời cũng trong cuộc họp thường niên, Đại hội Cổ đông đã thông qua Báo cáo kết quả sản phẩm, sản xuất kinh doanh 2018 với các số liệu cụ thể trong có trong báo cáo tài chính năm 2018 đã được Ban kiểm soát thẩm định.

Tuy nhiên, sau khi lên giữ chức vụ Giám đốc Công ty, dựa trên những nghi ngờ đã có trước đây và để phục vụ công việc bàn giao giữa giám đốc cũ và mới, ông Trần Đình T đã quyết định kiểm kê lại toàn bộ vật tư, công cụ, sản phẩm hàng hóa tồn kho hiện tại của Công ty. Ngày 04 tháng 3 năm 2019 ông T đã có Quyết định số 01/QĐ/NHS thành lập của kiểm kê mới gồm 7 thành viên (không bao gồm ông T và bà S) đề nghị kiểm kê vật tư, hàng hóa nguyên liệu nhưng không bao gồm Clinker một cách trung thực, khách quan, minh bạch, rõ ràng. Tiếp đó, ngày 01 tháng 3 năm 2019 Công ty yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn V tiến hành giám định về thể tích khối lượng liên cơ thực tế về thể tích và khối lượng Clinker thực tế. Kết quả giám định ngày 04 tháng 3 năm 2019 cho thấy rằng tổng lượng Clinker là 1.433,23 tấn. So sánh, đối chiếu với kết quả kiểm kê, số liệu kế toán của bà S được thể hiện qua báo cáo tài chính, Công ty nhận thấy sự chênh lệch thừa, thiếu nguyên vật liệu hàng hóa như sau:

- Thiếu vật liệu hàng hóa Clinker 906,93 tấn; vỏ bao xi măng 5.111 cái; bao Jumbo 40 cái; bao ni lông loại 3kg 1.875 cái; bi cầu các loại 8.736 kg; bộ ấm chén 110 bộ; bộ ấm trà: 90 bộ. Tổng giá trị 1.055.902357đ.

- Thừa nguyên liệu mặt đá 1.089,87 tấn; vỏ bao bột đá 1.490 cái; cát tiêu chuẩn 456,5kg; tấm lót nghiền máy 2.262 kg; xích gầu tải (18 x 100 x 60) 54 sợi; ly lớn 180 bộ; ly nhỏ 48 bộ; bộ đồ ăn 11 món 60 bộ; bộ phích giữ nhiệt 192 cái. Tổng giá trị 167.614.674đ.

Vì vậy, tại thời điểm bàn giao thực tế ngày 17 tháng 05 năm 2019 giữa bên bàn giao bà S và bên nhận bàn giao ông Trần Đình T, dưới sự chứng kiến của Kế toán trưởng và nguyên Kế toán trưởng cùng các thành viên Ban kiểm soát, ông T và bà S đã cùng ký vào biên bản bàn giao thể hiện rõ nội dung thừa, thiếu nêu trên và giá trị tổn thất sau khi bù trừ giữa bên thừa và thiếu là 888.287.701đ. Cũng trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, Công ty tiến hành họp xử lý thiếu, thừa trong Biên bản kiểm kê bàn giao giữa hai Giám đốc, thống nhất lấy khoảng thừa ngoài sổ sách của Bi cầu các loại, tổng giá trị là 219.400.000đ, bù trừ khoản thiếu trong biên bản bàn giao. Giá trị nguyên vật liệu còn thiếu sau bù trừ là 668.877.701đ. Biên bản có chữ ký bên giao (bà S) bên nhận (ông Trần Đình T) và các thành viên khác.

Việc thiếu hụt giá trị khối lượng hàng hóa nêu trên không rõ lý do trong khi sổ sách thể hiện đầy đủ đã chứng minh bà S không hoàn thành nhiệm vụ điều hành quản lý Công ty theo định tại khoản 4 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2014 “*giám đốc và tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng định pháp luật, điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và Nghị quyết Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho công ty thì giám đốc hoặc tổng đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty*”

Do đó, ngày 28 tháng 6 năm 2019 Công ty đã tổ chức cuộc họp xử lý bồi thường thiệt hại, yêu cầu bà S bồi thường thiệt hại cho Công ty bằng trách nhiệm cá nhân. Tuy nhiên, bà S chỉ đồng ý bồi thường một khoản tiền tương ứng hai tháng lương hưu.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 Công ty họp HĐQT nhằm thống nhất chọn phương án phát hành phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các mức bồi thường về khoản thất thoát, thiếu hụt hàng tồn kho của bà S. Kết quả mức bồi thường 70% đến 100% giá trị thiệt hại chiếm 51% cổ phần biểu quyết. Tại Thư mời số: 211/TM/NHS ngày 15 tháng 10 năm 2019 được gửi trực tiếp cho bà S, Công ty đã mời bà S lên thương lượng trước ngày 30 tháng 10 năm 2019, nếu không, công ty sẽ tiến hành khởi kiện ra cơ quan pháp luật để giải quyết. Tuy nhiên bà S không đồng ý và hai bên không đi đến thống nhất chung.

Nay Công ty Cổ phần xi măng N đề nghị Tòa án xem xét những yêu cầu khởi kiện sau:

- Giải quyết tranh chấp nội bộ doanh nghiệp giữa Công ty Cổ phần Xi măng N và bà Phạm Thị S nguyên là Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần N về việc thất thoát tài sản trong thời gian bà S đương nhiệm; Buộc bà S bồi thường Công ty Cổ phần Xi măng N toàn bộ thiệt hại là 668.887.701đ, do hành vi quản lý, điều hành Công ty không đúng trong theo đúng pháp luật của bà S gây ra trong thời gian đương nhiệm.

- Tại bản tự khai, bà Phạm Thị S trình bày:

Tôi giữ chức Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi Măng N các nhiệm kỳ: 2012 – 2014, 2015 – 2017 và 2018 – 2020.

Ngày 28/01/2019, công ty tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, trong Đại hội có quyết định thông qua ban điều hành mới, tôi có phát biểu từ nhiệm các chức danh: Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty. Theo đó, quyết định ban điều hành mới gồm giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phó phòng ban có hiệu lực từ 01/02/2019.

Giám đốc mới là ông Trần Đình T thành lập ban kiểm kê mới đề nghị kiểm kê toàn bộ vật tư, hàng hóa, nguyên vật liệu dù trước đó đã có biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa ngày 02/01/2019 do ban kiểm kê của Công ty thực hiện tiến hành kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm hàng hóa đến ngày 31/12/2018. Kết quả kiểm kê tại Biên bản kiểm kê đề ngày 02/01/2019 cho thấy toàn bộ số liệu vật tư, hàng hóa, nguyên vật liệu đều đầy đủ, không thừa, không thiếu. Tuy nhiên, theo kết quả kiểm kê của ông T thì số liệu lại không đúng với số liệu kiểm kê vào ngày 02/01/2019 như nêu trên và tổng giá trị còn thiếu được quy ra tiền sau khi đã bù trừ là: 668.887.701đ.

Sau khi nhận được thông tin kiểm kê của ông T có sự chênh lệch và thiếu hụt tài sản, tôi đã nhiều lần đề nghị tổ chức cuộc họp để làm rõ và xử lý vấn đề này, kể cả việc gửi văn bản đề nghị cho ban kiểm soát đề nghị xác định nguyên nhân nhưng phía Công ty không đáp ứng yêu cầu của tôi mà tự phát hành biên bản bàn giao tổng tài sản Công ty CP Xi Măng N đề ngày 17/5/2019 gửi cho tôi và yêu cầu tôi phải ký vào biên bản này.

Ngày 22/04/2019, tôi một lần nữa gửi văn bản cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát công ty đề nghị Công ty triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường để giải quyết vấn đề thiếu hụt tài sản sau kiểm kê của ông T nói trên nhưng cả giám đốc Công ty, HĐQT và BKS Công ty đều phớt lờ yêu cầu của tôi.

Ngày 17/05/2019, ông T điện thoại mời tôi, kế toán trưởng và trưởng phòng vật tư cũ lên tiến hành ký bàn giao. Tại cuộc họp này, tôi một lần nữa đề nghị mời thanh tra làm rõ sự việc thiếu hụt tài sản sau kiểm kê của ông T nhưng ông T không đồng ý. Và ông T đã nói tôi cứ ký biên bản bàn giao đề ngày 17/5/2019 rồi ông T sẽ cho điều tra nguyên nhân và sẽ xử lý sau. Do vậy, tôi đã đồng ý ký vào biên bản bàn giao đề ngày 17/5/2019 này kèm theo điều kiện là lời hứa sẽ điều tra rõ nguyên nhân và xử lý thỏa đáng sự việc thiếu hụt tài sản này.

Tuy nhiên, sau đó, ông T đã không những không thực hiện việc cho thanh tra làm rõ nguyên nhân của việc thiếu hụt tài sản này mà còn tiếp tục đe dọa sẽ kiện tôi ra tòa và mời công an kinh tế vào làm việc.

Ngày 22/05/2019 và ngày 27/5/2019, tôi lần lượt gửi văn bản cho HĐQT, BKS công ty và ông Lê Ngọc Tùng – Thư ký HĐQT, bà Nguyễn Thị M - Trưởng BKS và các trưởng, phó các phòng ban của công ty để yêu cầu triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ nhằm thống nhất giải quyết vấn đề thừa thiếu tài sản theo kiểm kê của ông T.

Ngày 06/6/2019, tôi tiếp tục gửi văn bản cho HĐQT và giám đốc Công ty trả lời Thư mời đề ngày 05/6/2019 của ông T – GD công ty về việc bồi thường thất

thoát tài sản công ty nhằm nêu lên các ý kiến của tôi về vụ việc thiếu hụt tài sản qua kiểm kê của ông T và một lần nữa đề nghị phía Công ty phải tổ chức một cuộc họp với đầy đủ các cá nhân có chức năng liên quan tham gia cuộc họp để giải quyết vấn đề được rõ ràng, minh bạch.

Ngày 21/6/2019, Công ty lại gửi cho tôi thư mời về việc thương lượng mức bồi thường thất thoát tài sản Công ty, trong khi những đề nghị về việc thanh tra làm rõ nguyên nhân thiếu hụt tài sản nói trên không hề được công ty đề cập đến. Và cũng vào ngày 21/6/2019, BKS công ty có gửi văn bản cho tôi trả lời về đề nghị yêu cầu thẩm định nguyên nhân thiếu hụt tài sản Công ty theo kiểm kê của ông T. Theo đó, BKS công ty khẳng định rằng: *“thành viên BKS chúng tôi chỉ kiêm nhiệm công việc của BKS, không phải làm chuyên trách. Mà công việc kinh doanh của công ty đều do giám đốc quản lý, điều hành trực tiếp công việc hàng ngày. Việc thẩm định nguyên nhân thiếu hụt nằm ngoài khả năng của BKS”*.

Ngày 28/6/2019, tại cuộc họp do Công ty tổ chức về việc xử lý bồi thường thiệt hại trong quản lý với thành phần tham dự gồm: Ông Trần Đình T (giám đốc mới), ông Đoàn Văn N (trưởng phòng tổ chức-lao động), bà Nguyễn Thị M (trưởng BKS) và tôi (giám đốc cũ). Nội dung cuộc họp bàn thỏa thuận bồi thường thiệt hại trong thời gian tôi quản lý điều hành gây ra thiệt hại với tài sản qua kiểm kê bàn giao thiếu nguyên liệu là clinker, tương ứng 888 triệu đồng và yêu cầu tôi phải chịu trách nhiệm cá nhân, nhận bồi thường thiệt hại cho Công ty. Tuy nhiên, tôi có ý kiến cho rằng trong thời gian điều hành quản lý Công ty, tôi đã làm tròn trách nhiệm của mình, việc thiếu hụt tài sản trên chưa làm rõ nguyên nhân và bản thân tôi chỉ đồng ý chia sẻ một phần trách nhiệm bằng cách bồi thường một khoản tiền tương ứng hai (02) tháng lương hưu của mình. Nếu Công ty không đồng ý với đề xuất của tôi thì sự việc tranh chấp này sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

Ngày 02/7/2019, công ty đã phát hành Phiếu biểu quyết của cổ đông, theo đó Giám đốc Công ty là ông Trần Đình T đưa ra các mức yêu cầu bồi thường yêu cầu tôi phải thực hiện để lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông, bao gồm các mức bồi thường như sau: Mức bồi thường 100%; Mức bồi thường 70%; Mức bồi thường 50%; Mức bồi thường 30% và không bồi thường.

Tôi cũng đã gửi các thư yêu cầu cho Công ty nhằm thương lượng giải quyết tranh chấp lần lượt vào các ngày 26/7/2019 và ngày 08/8/2019 nhưng kết quả không thành. Phía Công ty không hề có một văn bản hoặc thư điện tử nào trả lời chính thức đối với thư yêu cầu của tôi. Tuy nhiên, công ty lại gửi cho tôi các văn bản có tên như sau: Biên bản họp thông qua kết luận đề ngày 31/7/2019 và Giấy xác nhận về việc chênh lệch cấp phối clinker chạy thực tế so với sổ sách đề ngày 01/8/2019. Tôi cũng đã trả lời các vấn đề mà phía Công ty nêu ra trong các văn bản nói trên tại Thư yêu cầu lần thứ hai đề ngày 08/8/2019 nhưng sau đó Công ty vẫn không có bất kỳ văn bản nào liên quan đến việc thương lượng giải quyết tranh chấp này. Do vậy, tôi cho rằng Công ty đã không thiện chí trong việc thương lượng giải quyết tranh chấp, buộc tôi phải đưa vụ việc tranh chấp này ra giải quyết tại cơ quan Tòa án có thẩm quyền.

Khi xảy ra tranh chấp về việc thiếu hụt tài sản Công ty mà ông Trần Đình T cáo buộc tôi là người phải chịu trách nhiệm cá nhân cho việc thiếu hụt tài sản này, tôi đã rất nhiều lần yêu cầu Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị Công ty và kể cả Ban Kiểm Soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông để làm rõ nguyên nhân và đưa ra phương hướng xử lý đúng luật, công bằng, khách quan và dân chủ theo quy định tại Điểm a, khoản 3, Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014 cũng như theo Quy chế kế toán 2018 của Công ty nhưng ông Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và Ban Kiểm Soát Công ty đã luôn luôn bỏ qua những yêu cầu hợp pháp và chính đáng của tôi và tự phát hành các thư mời thương lượng bồi thường thiệt hại, phiếu biểu quyết của cổ đông Công ty về việc đề nghị mức bồi thường thiệt hại. Điều này nói lên rằng, Ban điều hành, quản lý Công ty từ Giám đốc, Hội đồng quản trị và kể cả Ban kiểm soát Công ty đã có sự câu kết với nhau, làm việc một cách lộng hành và trái với các quy định của pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty nhằm cố tình cáo buộc và quy chụp trách nhiệm cho tôi, bắt tôi phải chịu trách nhiệm cá nhân, bồi thường toàn bộ số tiền tương ứng với số nguyên liệu thiếu hụt theo kiểm kê do cá nhân Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện.

Việc giám đốc Công ty buộc tôi có lỗi trong việc quản lý, điều hành Công ty gây ra thất thoát tài sản của Công ty và yêu cầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cá nhân đối với toàn bộ số tài sản bị thất thoát là hoàn toàn vô căn cứ và trái pháp luật:

Thứ nhất, tôi đã thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình trong cương vị là giám đốc, chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty:

Trong vai trò là Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xi Măng N, tôi đã lập ban kiểm kê gồm đầy đủ các thành phần đại diện của tất cả các phòng ban của Công ty để thực hiện kiểm kê công khai và minh bạch tài sản công ty nhằm phục vụ cho việc bàn giao, chuẩn bị cho việc tôi sẽ thôi giữ chức vụ Giám đốc và Chủ tịch HĐQT Công ty vào ngày 01/02/2019. Biên bản kiểm kê đề ngày 02/01/2019 này đã được toàn bộ các cá nhân giữ vị trí người đứng đầu của các phòng ban Công ty ký xác nhận. Đồng thời, theo báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty đề ngày 28/01/2019 và theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ Phần Xi Măng N năm 2019 đề ngày 29/01/2019, kể cả Ban kiểm soát cũng như cơ quan quản lý cấp cao của Công ty (HĐQT) cho đến các Cổ đông Công ty đều thừa nhận: *“N 2018 là năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tuy nhiên Giám đốc và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, kịp thời ra những kế hoạch và quyết định, thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 2018, đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động.”*; *“Ban kiểm soát không nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động tài chính và sản xuất kinh doanh; tình hình kinh doanh mua bán không thất thoát; hoạt động tài chính tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, phản ánh số liệu trung thực sử dụng đồng vốn đảm bảo”*.

Như vậy, tính tới thời điểm những ngày cuối cùng ở vị trí là người đứng đầu Công ty, tôi đã làm tròn trách nhiệm và bổn phận của mình, không gây ra bất kỳ sai phạm và tổn thất nào về tài sản cho Công ty.

Thứ hai, việc thiếu hụt tài sản Công ty qua kiểm kê số liệu được chỉ đạo thực hiện bởi ông Trần Đình T không thuộc trách nhiệm của tôi:

Sau khi tiếp quản chức vụ giám đốc Công ty kể từ ngày 01/02/2019, ông Trần Đình T tiến hành kiểm kê thông qua việc đối chiếu số liệu sổ sách và số liệu thực tế từ ngày 31/01/2019 đến ngày 28/02/2019 thì phát hiện thiếu hụt nguyên liệu, giá trị ước tính sau khi đã bù trừ tại biên bản xử lý hàng thiếu, thừa qua kiểm kê đề ngày 17/5/2019 là: 668.887.701đ.

Tôi xin nói rõ về vấn đề thiếu hụt tài sản Công ty từ việc kiểm kê của ông Trần Đình T rằng: Việc tiến hành kiểm kê của ông T được thực hiện không bao gồm đầy đủ các cá nhân là trưởng các phòng ban của Công ty, việc kiểm kê là theo sự chỉ đạo chủ quan của ông, không thuộc quy trình kiểm kê của Công ty và việc kiểm kê số liệu được tính từ ngày 31/01/2019 đến ngày 28/02/2019 là thời gian dưới sự quản lý và điều hành của ông T trên cương vị giám đốc Công ty chứ không phải tôi. Vậy nên, kết quả của việc kiểm kê này không liên quan và không thể xuất phát từ sự quản lý, điều hành của tôi dẫn đến thất thoát tài sản Công ty theo như “cáo buộc” của ông Trần Đình T nói riêng và của Công ty nói chung.

Thứ ba, yêu cầu bồi thường thiệt hại trong quản lý của Công ty đối với tôi là không có cơ sở thực tế và không có căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm kê của ông Trần Đình T từ ngày 31/01/2019 đến ngày 28/02/2019 cho thấy số liệu thực tế thiếu hụt so với số liệu sổ sách Công ty, tổng ước tính sau khi đã bù trừ là: 668.887.701đ. Chưa nói đến việc thiếu hụt này không thuộc trách nhiệm của tôi như đã phân tích ở trên, nhưng cho dù khi xảy ra vấn đề thất thoát tài sản Công ty như thế này, cách xử lý và giải quyết vấn đề cũng phải tuân thủ đúng quy trình mà pháp luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty đã quy định. Mặc dù tôi đã rất nhiều lần thiện chí chủ động đề nghị giám đốc Công ty, Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị Công ty triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty để đưa sự việc này ra trước ĐHĐCĐ Công ty giải quyết một cách rõ ràng, công khai và minh bạch bằng cách cho thanh tra làm rõ nguyên nhân dẫn đến sự thất thoát qua kết quả kiểm kê mà ông T đưa ra. Thế nhưng, toàn bộ Công ty từ giám đốc Công ty, đến Ban kiểm soát và HĐQT Công ty đều bỏ qua yêu cầu của tôi, không thực hành vai trò của mình và chối bỏ trách nhiệm của mình một cách trắng trợn. Cụ thể, tôi đã nhiều lần gửi văn bản về việc yêu cầu tổ chức họp ĐHĐCĐ đến tất cả các phòng ban, giám Đốc, HĐQT và BKS của Công ty để điều tra nguyên nhân thất thoát tài sản Công ty và thẩm định nguyên nhân thừa thiếu đó để làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân trong phạm vi trách nhiệm của mình trong Công ty phải chịu trách nhiệm hay không và chịu trách nhiệm như thế nào, đến đâu. Thế nhưng, Ban Kiểm Soát Công ty đã gửi văn bản trả lời yêu cầu của tôi rằng: “*Giao cho ông Trần Đình T, Giám đốc Công ty thay mặt HĐQT giải quyết theo biên bản bàn giao giữa 02 Giám đốc vào ngày 17/5/2019*” và “*Thành viên Ban Kiểm Soát chúng tôi chỉ kiêm nhiệm công việc của BKS, không phải làm chuyên trách. Mà công việc kinh doanh của Công ty đều do Giám đốc quản lý, điều hành trực tiếp công việc hàng ngày. Việc thẩm định nguyên nhân thiếu hụt nằm ngoài khả năng của BKS*”.

Dựa vào quy định về nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát, rõ ràng BKS Công ty cho rằng việc quản lý, điều hành kinh doanh là công việc hàng ngày của Giám đốc, họ không có nghĩa vụ phải làm rõ nguyên nhân thiếu hụt tài sản Công ty hay thậm chí bất kỳ vấn đề gì liên quan đến quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty. Vậy thì, chức năng và nhiệm vụ của BKS Công ty ở đây là những gì. Một sự thoái thác trách nhiệm trắng trợn, không tuân thủ quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật Doanh nghiệp như vậy mà BKS Công ty vẫn ngang nhiên tồn tại và góp phần tích cực hỗ trợ ông Trần Đình T – Giám đốc Công ty bỏ qua những thủ tục và quy trình luật định để đi đến cuộc họp cáo buộc trách nhiệm trong quản lý của tôi dẫn đến việc thất thoát tài sản Công ty và buộc tôi phải gánh chịu mọi trách nhiệm và phải bồi thường cá nhân cho Công ty ngày 28/6/2019.

Thêm nữa, giả sử nếu đúng là trong thời gian tôi quản lý, điều hành Công ty có xảy ra sự việc thất thoát tài sản thật thì trước tiên cần phải điều tra làm rõ nguyên nhân của việc thất thoát, thiếu hụt tài sản này. Nếu việc thiếu hụt, thất thoát tài sản Công ty không xuất phát từ sai phạm trong quản lý, điều hành của tôi gây ra hay bản thân tôi đã quản lý, điều hành Công ty một cách đúng đắn, tuân thủ đầy đủ Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và pháp luật Doanh nghiệp thì cho dù có xảy ra sự việc thiếu hụt nói trên cũng không thuộc về nghĩa vụ bồi thường cá nhân của tôi theo quy định tại Khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2014: *“Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.”*

Vậy thì, căn cứ vào Báo cáo của BKS và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2019 đã khẳng định rằng Giám đốc Công ty lúc bấy giờ là tôi không hề có bất kỳ sai phạm nào hoặc điều hành trái với bất kỳ quy định nào dẫn đến việc gây thiệt hại cho Công ty, thì dựa vào cơ sở thực tế và căn cứ pháp lý nào mà Công ty cho rằng việc thiếu hụt tài sản qua kiểm kê của ông Trần Đình T thuộc trách nhiệm của tôi và tôi phải chịu trách nhiệm bồi thường cá nhân. Và đồng thời, Công ty dựa vào quy định nào để phát hành Phiếu Biểu Quyết Của Cổ Đông đề ngày 02/7/2019 để lấy ý kiến của từng Cổ đông Công ty về việc đưa ra mức bồi thường mà tôi phải chịu mà không hề thông qua bất kỳ quy trình luật định nào để đưa vấn đề này ra làm rõ nguyên nhân, đưa ra giải pháp xử lý.

Là cá nhân đứng đầu Công ty trong cương vị Giám đốc và kể cả các Trưởng Phòng ban Công ty, BKS Công ty đều là những người có trình độ chuyên môn cao, với nhiều năm kinh nghiệm làm việc và nắm giữ những vị trí quản lý quan trọng của Công ty, thế nhưng đối diện trước một sự việc như thế này lại không có một giải pháp xử lý rõ ràng, minh bạch và hợp pháp, đã vội vàng cáo buộc vô căn cứ đối với một người đã từ chức về hưu, không còn nắm giữ bất kỳ quyền hạn và nghĩa vụ nào đối với Công ty. Từ đầu đến cuối, cách xử lý của Giám đốc nói riêng và của toàn thể Công ty nói chung đều mang tính cảm tính, chủ quan và vô căn cứ và trái với các quy định của pháp luật doanh nghiệp hiện hành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Công B trình bày:

Tôi trước đây là Trưởng phòng Vật tư của Công ty CP Xi Măng N. Tôi đã nghỉ hưu từ ngày 28/01/2019. Thời điểm tôi quản lý vật tư cũng là thời điểm bà S làm giám đốc.

Trong thời gian công tác tại công ty cổ phần xi măng N với chức vụ trưởng phòng kế hoạch vật tư tôi làm việc theo quy chế công ty đề ra và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Việc Công ty Cổ phần Xi măng N khởi kiện bà S trong thời gian điều hành lãnh đạo công ty thất thoát số tiền, tôi đề nghị Tòa án xem xét làm rõ nguyên nhân thất thoát số tiền trên.

Về nguyên tắc nhập vật tư, khi vật tư nhập vào thì được cân bằng cân điện tử và nhập trực tiếp vào kho. Theo đơn cấp phối của ông Nguyễn Xuân H-Trưởng phòng Kỹ thuật thì nguyên vật liệu được giao cho ông Lê Trung T-Quản đốc phân xưởng để thực hiện việc sản xuất ra sản phẩm.

H năm Công ty đều có kiểm kê vật tư có sự tham gia của các Phòng, ban tham gia, việc kiểm kê được tiến hành bằng mắt thường, ước lượng và xác định là không có sự thất thoát vật tư vì các vật tư khi nhập vào và sản xuất ra sản phẩm đều có sự kiểm tra của các Phòng, ban.

Việc ông T cho rằng thời điểm bà S làm giám đốc làm thất thoát vật tư thì không có cơ sở. Ông T tiến hành kiểm kê sau khi tôi và bà S nghỉ việc để cho rằng có việc thất thoát vật tư là không đúng.

Tại Đại hội cổ đông tháng 01 năm 2019 cũng xác định Công ty hoàn thành nhiệm vụ, không thất thoát tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Trong thời gian bà S làm giám đốc công ty bản thân tôi được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật-KCS, chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đầu vào nguyên vật liệu và chất lượng đầu ra sản phẩm. Hiện nay tôi đang giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật của Công ty CP Xi Măng N.

Trong giai đoạn chuyển giao giữa giám đốc cũ và giám đốc mới thấy có sai sót một số nguyên vật liệu và phụ tùng liên quan mà cụ thể sau khi bù trừ thì thấy thiếu hụt, quy thành tiền là 668.878.701đ.

Bản thân tôi xác định chạy cấp phối nguyên vật liệu không thất thoát không thiếu hụt.

Về việc kiểm tra khối lượng nguyên vật liệu thì tôi không có trách nhiệm, tôi chỉ chịu trách nhiệm về chất lượng nguyên vật liệu đầu vào. Trên cơ sở Giấy cấp phối của Phòng kỹ thuật, Phân xưởng xi măng (Phòng quản lý của ông T) tự lấy nguyên vật liệu để sản xuất.

H năm, Công ty vẫn tiến hành kiểm kê nguyên vật liệu, việc kiểm kê được tiến hành bằng mắt thường, ước lượng và mang sang năm khác. Đến năm 2019, V kiểm tra số lượng vật tư tại thời điểm kiểm kê là chính xác còn việc xác định thừa thiếu là do Công ty tiến hành đối chiếu để xác định nhưng không xác định được thừa thiếu ở năm nào và thừa thiếu từ đâu. V tiến hành kiểm kê vào thời điểm kiểm

kê chứ không xác định số lượng nguyên vật liệu thiếu hụt từ thời điểm 2018 trở về trước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Tôi là thống kê Vật tư thuộc Phòng Kế hoạch Vật tư của Công ty Cổ phần Xi măng N vào thời điểm bà S còn đương nhiệm. Bản thân làm đúng chức năng công việc được giao của một thống kê vật tư. Về số liệu thừa thiếu tài khoản kiểm kê bàn giao giữa hai giám đốc thì số liệu thừa, thiếu tại thực tế kiểm kê bàn giao so với sổ sách kế toán nhưng không biết nguyên nhân từ đâu dẫn đến việc thiếu, thừa như vậy.

Hiện nay, tôi là Phó phòng Kiểm kê Vật tư của Công ty.

Về cách thức nhập nguyên vật liệu, giao để thành sản phẩm như lời trình bày của ông Nguyễn Công B là đúng.

H năm, Công ty tiến hành kiểm kê vật tư và việc kiểm kê được tiến hành bằng mắt thường, ước lượng và mang sang năm khác và cũng không xác định được vật tư thất thoát vào năm nào và ở khâu nào. Công ty V tiến hành kiểm kê vật tư là vào thời điểm kiểm kê chứ không xác định được vào những năm trước vật tư nhập và xuất bao nhiêu.

Nếu cho rằng có sự thất thoát vật tư thì cũng không xác định được thất thoát ở thời điểm nào, khâu nào cũng như cá nhân nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi đã làm việc tại vị trí thống kê phân xưởng của Công ty trong 2 năm. Theo số liệu của các bộ phận và kiểm kê thì tôi không nắm được rõ nguyên nhân thiếu hụt và việc giải quyết giữa hai giám đốc nên tôi không có ý kiến. Tôi chỉ bám theo số liệu của các bộ phận cung cấp và sự chỉ đạo của cấp trên nên việc thiếu hụt này tôi không rõ.

Hiện nay tôi vẫn đang làm việc tại Công ty. H năm, Công ty tiến hành kiểm kê vật tư và việc kiểm kê được tiến hành bằng mắt thường, ước lượng và mang sang năm khác. Khi nhập nguyên vật liệu vào thì có bộ phận kiểm kê thống kê tham gia. Việc xuất nguyên vật liệu trên cơ sở đơn cấp phối của Phòng Kỹ Thuật.

Theo tôi, nếu có việc thất thoát nguyên vật liệu thì cũng không biết thất thoát từ khâu nào, thất thoát từ năm nào và cá nhân nào làm thất thoát.

Tôi đồng ý với ý kiến của ông H về việc kiểm kê vật tư của V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Trước đây tôi giữ chức vụ Kế toán Trưởng của Công ty Cổ phần xi măng N từ năm 2015 đến 2018.

Qua sự việc bàn giao số liệu kiểm kê nguyên vật liệu giữa giám đốc cũ là bà S và người tiếp nhận giám đốc mới là ông T, số tiền về nguyên vật liệu thiếu so với thực tế là 668.878.701đ, theo tôi nghĩ là sự thiếu hụt này do quá trình nhiều năm sản xuất kiểm kê không chính xác, không phát hiện kịp thời nên đã dẫn đến thiếu hụt nhiều. Đây cũng có phần trách nhiệm của bà S quản lý chưa chặt chẽ nhưng bà S cũng có công trong việc đóng góp xây dựng nhà máy trong nhiều năm.

Sự việc này nên giải quyết nội bộ, có tình, hợp lý bà S và ông T nên tìm hướng giải quyết. Cái mất là tài sản và được là tình người.

Về việc thất thoát vật tư, phòng kế toán không liên quan gì. Mỗi năm đều có việc kiểm kê, việc kiểm kê đều bằng mắt thường, kiểm kê hằng năm đều mang sang nên không thể xác định được việc thất thoát vật tư ở thời điểm nào, ở khâu nào và của cá nhân nào vì qua nhiều đời giám đốc.

V tiến hành kiểm kê tại thời điểm 2019, sau đó Công ty đối chiếu với sổ sách của năm 2019 thì xác định năm 2019 có thiếu, thừa nguyên vật liệu và năm 2019 nguyên liệu bị thiếu, thừa là do các năm trước mang sang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hồ Thị T T trình bày:

Trong thời gian bà Phạm Thị S còn đương nhiệm tôi giữ chức vụ Thủ kho Công ty khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018.

Trong quá trình làm việc thì hàng hóa đầu vào bên Công ty tôi đều qua cân điện tử và kết thúc kiểm kê cuối năm thì tổ chức đoàn kiểm kê cùng nhau đo đạc hàng hóa bán ra, kèm phiếu xuất kho và phiếu cân hàng. Việc thất thoát tôi không rõ nguyên nhân.

Nguyên liệu đầu vào khi qua cân thì bắt buộc phải in thành 3 liên, một liên là giao cho bên Phòng Kỹ thuật, một liên giao cho thủ kho và một liên giao cho bảo vệ để kiểm tra hàng hóa khi xuất kho. Trong trường hợp có lệch về số hàng thì Thủ kho yêu cầu Bảo vệ đo lại theo dây nên không thể có sự thất thoát từ đầu ra. H ngày đều có sự đối chiếu số liệu giữa ba đơn vị để kiểm tra hàng hóa xuất của ngày hôm trước.

Việc V kiểm kê vật liệu là kiểm tra tại thời điểm kiểm kê chứ không phải việc kiểm kê từ những năm trước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:

Tôi vào làm việc tại Phòng Kế toán của công ty từ tháng 3 năm 2014. Ngày 31 tháng 01 năm 2020 bà S xin nghỉ hưu. Ngày 01 tháng 02 năm 2020 đã được đề bạt nên làm Kế toán Trưởng cùng với Ban điều hành mới của Công ty.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 ông Trần Đình Thành ra Quyết định số 01/QĐ/NHS, thành lập Ban kiểm kê, bầu làm tôi làm Trưởng ban kiểm kê để kiểm kê thực tế toàn bộ tài sản Công ty, làm cơ sở ký bàn giao giữa hai giám đốc. Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tôi lập Bản kiểm kê với sự chỉ đạo của ông T, giá vật tư thiếu áp giá thời hiện tại còn giá của vật tư thừa hầu hết lại áp giá phế liệu.

Sau khi lập Biên bản kiểm kê với số liệu thừa, thiếu nhưng tôi và Ban kiểm kê cũng chưa tham gia bất kỳ cuộc họp nào để giải trình hay trình bày ý kiến của Ban kiểm kê về số liệu trong biên bản.

Mặc dù Biên bản kiểm kê với số liệu thừa, thiếu như vậy nhưng chưa được Công ty cho thẩm định hoặc điều tra chính xác của số liệu cũng như không có bất kỳ động thái nào điều tra nguyên nhân thừa, thiếu. Ông T tại các cuộc họp giao ban liên tục công nhận Biên bản kiểm kê này là chính xác, trung thực, khách quan và cáo buộc bà S điều hành sai phạm làm thất thoát tài sản Công ty.

Ngày 17 tháng 5 năm 2020 ông T tổ chức việc ký bàn giao giữa hai giám đốc. Trong cuộc họp bà S trình bày mong muốn được trực tiếp tham gia điều tra nguyên nhân và xử lý các vật thừa, thiếu này nhưng ông T không đồng ý yêu cầu ký bàn giao, mọi việc xử lý ông T sẽ làm sau. Sau khi ký xong biên bản bàn giao thì ông T nhiều lần yêu cầu tôi về động viên bà S bồi thường cho công ty, nếu không, ông T sẽ khởi kiện ra Tòa cho bà S đi tù.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 ông T đã ký phát hành Phiếu biểu quyết của Cổ đông, trong Phiếu biểu quyết ghi rõ bà S đã làm thất thoát tài sản công ty và đưa ra các mức yêu cầu bồi thường đối với bà S để lấy ý kiến biểu quyết Cổ đông. Khi phòng Tổ chức phát Phiếu biểu quyết ông T đi đến từng phòng, ban, phân xưởng rằng đề cán bộ công nhân viên nếu chọn mức độ ít thì phần còn lại là người điền phiếu tự bỏ vô đên cho Công ty.

Không đồng ý với cách xử lý nóng vội và thiếu minh bạch của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, với tư cách là Trưởng Ban kiểm kê, tại cuộc họp tổng kết 6 tháng đầu năm ngày 25 tháng 7 năm 2020, tôi đã phát biểu quan điểm về việc làm không khách quan, minh bạch của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Tôi đã yêu cầu cần thẩm định nguyên nhân thất thoát cũng như phải công bố sự việc trước Cổ đông, lúc đó ông T phát biểu rằng tôi được bầu làm Kế toán Trưởng là sai quy định nhưng không rõ định nào và ra quyết định bãi nhiệm tôi ngày 13 tháng 8 năm 2020.

Là một cổ đông của Công ty, tôi nhận thấy cách xử lý của của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước vấn đề thiếu hụt qua kiểm kê là không minh bạch, có phần vội vã, quy chụp không theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế làm việc tại Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Vào thời điểm bà Phan Thị S làm Giám đốc Công ty Xi măng Tôi là nhân viên Thống kê phân xưởng sửa chữa máy móc kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty. Thực hiện chức năng của Ban Kiểm soát, hàng năm trên cơ sở báo cáo hoạt động của từng phòng ban thuộc công ty, Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động trong một năm của Công ty. Do đó Ban Kiểm soát cũng không đi sâu vào động của các phòng, ban. Vừa qua, theo yêu cầu của ông T, Giám đốc đương nhiệm Công ty V đã tiến hành kiểm kê vật tư thì xác định có thiếu. Còn thiếu vật tư ở giai đoạn nào thì không xác định được. Việc xác định thiếu vật tư là thiếu ở bộ phận sản phẩm còn về vật tư máy móc do tôi quản lý thì không thiếu. Việc thất thoát Clinker tuy không xác định được thất thoát từ giai đoạn nào, năm nào, và thất thoát ở khâu nào, phòng ban nào nhưng theo tôi với cương vị là Giám đốc thì bà S phải có trách nhiệm về thất thoát vật tư hoặc đề nghị Tòa án xác định do bộ phận nào làm thất thoát thì có trách nhiệm bồi thường. Sau khi bà S nghỉ hưu, giữa và S và ông T có làm thủ tục bàn giao và xác định thất thoát và việc bàn giao này chỉ thể hiện trên giấy tờ chứ không bàn giao cụ thể tại hiện trường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Văn Đức T trình bày:

Khi bà S làm Giám đốc Công ty tôi là Trưởng Ban bảo vệ Công ty. Nay tôi vẫn làm Trưởng Ban bảo vệ Công ty. Chức năng của Ban bảo vệ là bảo vệ an ninh trật tự tại Công ty và bảo vệ xuất, nhập hàng của Công ty.

Về chức năng bảo vệ xuất, nhập hàng như sau: Mỗi lần hàng về (tức nguyên vật liệu: Clinker, đá, phụ gia) thì Ban bảo vệ ghi sổ theo dõi. Phương thức kiểm tra là cân điện tử. Khi xuất nguyên vật liệu để đưa vào sản xuất thì gồm 3 đơn vị, gồm: Thủ kho, Trưởng ca và Ban bảo vệ, do đó không thể thất thoát vật tư tại khâu bảo vệ. Ban bảo vệ, thủ kho, phòng kinh doanh, phòng vật tư đều phải tổng hợp số liệu để báo cáo tháng. Do đó, cho rằng thất thoát vật tư là không có cơ sở. Việc Công ty V kiểm tra thiếu vật tư Clinker thì thiếu hay không tôi không rõ và thiếu ở giai đoạn nào cũng không xác định được vì như tôi đã trình bày là đầu vào, đầu ra nguyên liệu đều kiểm tra chặt chẽ. Hàng năm, Đại hội cổ đông đều xác định không có thiếu vật tư và vấn đề này cũng không đưa ra tại báo cáo tháng, báo cáo năm hay Đại hội cổ đông nhưng khi bà S bàn giao cho ông T thì lại xác định thiệt hại.

Tại đơn gửi Tòa án ngày 5 tháng 7 năm 2021 ông Đoàn Văn N trình bày:

Vào khoảng thời gian 2018 đến 2019 tôi được lãnh đạo Công ty phân công làm công tác Tổ chức-Hành chính để chờ nghỉ hưu theo chế độ, không liên quan đến công việc quản lý sản xuất và kinh doanh của Công ty nên không thể tham gia tranh chấp tố tụng.

T trạng sức khỏe của tôi hiện nay vết thương tái phát, không thể tham gia được.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà: Lê Trung T, Lê D, Bùi T H, Phạm Trọng T, Nguyễn T T, không có lời khai.

Người làm chứng, bà Đặng Thị Nhuận trình bày:

Hiện nay tôi là nhân viên thống kê phân xưởng xi măng. Tôi được điều động về làm thống kê từ ngày 13 tháng 8 năm 2019. Vào thời điểm bà S làm Giám đốc, tôi là nhân viên thủ quỹ. Về công tác của thủ quỹ, tôi thu chi theo lệnh của Giám đốc còn mọi hoạt động khác của Công ty tôi không được tham gia. Việc tranh chấp giữa Công ty với bà S, tôi hoàn toàn không biết, không liên quan. Do đó, đề nghị Tòa án không triệu tập tôi đến Tòa án để làm chứng hay cung cấp thông tin gì.

Tại phiên tòa, người làm chứng, ông Huỳnh Ngọc Thành trình bày:

Khi bà S làm giám đốc thì việc thất thoát tài sản Công ty không thể hiện được. Sau khi ông T lên làm giám đốc thì có lắp đặt hệ thống camera an ninh nên thỉnh thoảng, qua theo dõi thì vẫn có việc công nhân mang xi măng ra khỏi Công ty. Còn những việc khác tôi không có ý kiến gì.

Người làm chứng, ông Hứa Minh Đức không có lời cung cấp.

Với nội dung vụ án được xác định như trên, tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KSTM-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Áp dụng khoản 4, Điều 30; Điểm a, khoản 1, Điều 37 và Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 146; Điểm k, khoản 1 Điều 149 và Điều 165 Luật doanh nghiệp;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu “*Tranh chấp bàn giao tài sản công ty*” của Công ty Cổ phần Xi măng N về việc buộc bà Phạm Thị S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền: 668.887.701đ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 08/10/2021, nguyên đơn - Công ty Cổ phần Xi măng N (sau đây gọi là Nguyên đơn) kháng cáo yêu cầu giải quyết lại vụ án theo trình tự phúc thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền: 668.887.701đồng do hành vi quản lý điều hành Công ty không đúng theo quy định của Pháp luật của bà Phạm Thị S gây ra trong thời gian đương nhiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên. Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền: 668.887.701đồng do hành vi quản lý điều hành Công ty không đúng theo quy định của Pháp luật của bà Phạm Thị S; Bị đơn cho rằng, ở vị trí là người đứng đầu Công ty, đã làm tròn trách nhiệm và bổn phận của mình, không gây ra bất kỳ sai phạm và tổn thất nào về tài sản cho Công ty nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Xi măng N, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KDTM-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết phúc thẩm vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bản án sơ thẩm xác định “*Tranh chấp giữa Công ty Cổ phần Xi măng N (viết tắt là Công ty Xi măng) với bà Phạm Thị S là tranh chấp trong hoạt động bàn giao tài sản của công ty theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng*”

theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự”. Xác định quan hệ tranh chấp của Bản án sơ thẩm là không đúng vì: Công ty Cổ phần Xi măng N yêu cầu bà Phạm Thị S bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền: 668.887.701 đồng do hành vi quản lý điều hành Công ty không đúng theo quy định của Pháp luật mà bà Phạm Thị S gây ra trong thời gian làm Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty từ năm 2012 đến ngày 31/01/2019; Bản án sơ thẩm cũng giải quyết nội dung yêu cầu bồi thường chứ không giải quyết tranh chấp về bàn giao tài sản như đã xác định. Vì vậy, phải xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại giữa Công ty và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty*” theo quy định tại Điều 161 Luật doanh nghiệp năm 2014 và khoản 5 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự mới đúng. Việc xác định lại quan hệ tranh chấp này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự vì Bản án sơ thẩm cũng giải quyết nội dung yêu cầu bồi thường chứ không giải quyết tranh chấp về bàn giao tài sản như đã xác định.

[2] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần Xi măng N buộc bà Phạm Thị S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền: 668.887.701 đồng do hành vi quản lý điều hành Công ty không đúng theo quy định của Pháp luật của bà Phạm Thị S gây ra trong thời gian làm Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng N từ năm 2012 đến ngày 31/01/2019 thì thấy:

[2.1] Nguyên đơn căn cứ vào Bản kiểm kê tài sản ngày 14/02/2019 (thời gian kiểm kê từ 14/02/2019 đến ngày 28/2/2019) thể hiện: Thiếu vật liệu, hàng hóa tổng giá trị: 1.055.902.357 đồng; thừa nguyên vật liệu: 167.614.674 đồng; bù trừ thừa thiếu còn 888.287.701 đồng để kết luận: Số tiền thiếu 888.287.701 đồng là do bà S gây ra trong thời gian Điều hành, quản lý Công ty; Tại Biên bản ngày 17/5/2019 xử lý hàng thừa, thiếu qua kiểm kê thì lấy số liệu thừa ngoài sổ sách của Bi cầu các loại (bi phế liệu tạm tính 10.000 đồng/kg) giá trị 219.400.000 đồng để trừ vào số tiền thiếu (888.287.701 đồng - 219.400.000 đồng) còn 668.887.701 đồng là số tiền bà S phải bồi thường. Về số liệu thiếu, thừa ở trên thì chỉ riêng đối với số lượng Clinker Đồng Lâm thiếu 906,73 tấn, thành tiền: 778.228.596đ.

[2.2] Về việc thiếu 906,73 tấn Clinker Đồng Lâm: Bản án sơ thẩm nhận định: “Phân tích Bảng “*Tổng hợp kiểm kê, vật tư, hàng hóa, nguyên vật liệu thực tế*” ngày 05/3/2019 thì thấy: Tại số TT 02: Clinker Đồng Lâm được xác định số lượng tồn cuối ngày 28/2/2019 là 2.339,96 tấn. Công ty V giám định khối lượng thực tế hiện có đến ngày 01/3/2019 là: 1.433,23 tấn. Tại mục “*kiểm kê thực tế*” của Bảng “*Tổng hợp kiểm kê, vật tư, hàng hóa, nguyên vật liệu thực tế*” ngày 05/3/2019 xác định giá trị thực tế Clinker chênh lệch so với sổ sách: 906,73 tấn. Như vậy, Công ty Xi măng đã lấy số liệu thực tế Clinker tại thời điểm 01/3/2019 là 906,73 tấn để khấu trừ với số lượng Clinker theo sổ sách vào thời điểm 28/02/2019 nhưng không xác định được vào thời điểm 29/01/2019 (ngày bà S nghỉ hưu) là số lượng Clinker theo sổ sách là bao nhiêu tấn và thực tế còn lại bao nhiêu tấn và chênh lệch này là đưa vào sử dụng hay thất thoát. Tại Chứng thư giám định của Công ty V và bảng “*Tồn kho Clinker tại thời điểm 01/3/2019*” ngày 05/3/2019 đều xác định số lượng Clinker hiện có là tính đến ngày 01/3/2019. Điều này, không lý giải được từ ngày 29/01/2019 (ngày bà S nghỉ hưu) đến ngày 01/3/2019 lượng Clinker được nhập vào sổ sách và đưa vào sử dụng hay thất thoát (nếu có) là bao

nhieu. Công ty Xi măng đã lấy số liệu thực tế Clinker của ngày 01/3/2019, so sánh với số lượng Clinker theo sổ sách ngày 28/02/2019 để xác định là thất thoát ở thời điểm năm 2018 trở về trước, khi bà S còn làm Giám đốc là bất hợp lý”. Nhận định của Bản án sơ thẩm về việc thiếu 906,73 tấn Clinker Đồng Lâm nói trên là có căn cứ, đúng với trình bày của những người có liên quan trong việc quản lý, xuất, nhập nguyên liệu cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim N (phó phòng kiểm kê vật tư) và bà Nguyễn Thị H (thống kê phân xưởng) đều cho rằng: Nếu cho rằng có sự thất thoát vật tư thì cũng không xác định được thất thoát ở thời điểm nào, khâu nào cũng như cá nhân nào;

Bà Hồ Thị T T (thủ kho từ tháng 01/6 đến 31/12/2018) cho rằng: Trong quá trình làm việc thì hàng hóa đầu vào bên Công ty tôi đều qua cân điện tử và kết thúc kiểm kê cuối năm thì tổ chức đoàn kiểm kê cùng nhau đo đạc hàng hóa bán ra, kèm phiếu xuất kho và phiếu cân hàng. Việc thất thoát tôi không rõ nguyên nhân;

Bà Huỳnh Thị Kim L (làm việc tại phòng kế toán từ tháng 3/2014, tại thời điểm kiểm kê là Kế toán trưởng của Công ty) cho rằng: Ngày 14 tháng 02 năm 2020 ông Trần Đình T ra Quyết định số 01/QĐ/NHS, thành lập Ban kiểm kê, bầu tôi làm Trưởng ban kiểm kê để kiểm kê thực tế toàn bộ tài sản Công ty, làm cơ sở ký bàn giao giữa hai giám đốc. Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tôi lập Bản kiểm kê với sự chỉ đạo của ông T, giá vật tư thiếu áp giá thời hiện tại còn giá của vật tư thừa hầu hết lại áp giá phế liệu. Sau khi lập Biên bản kiểm kê với số liệu thừa, thiếu nhưng tôi và Ban kiểm kê cũng chưa tham gia bất kỳ cuộc họp nào để giải trình hay trình bày ý kiến của Ban kiểm kê về số liệu trong biên bản. Mặc dù Biên bản kiểm kê với số liệu thừa, thiếu như vậy nhưng chưa được Công ty cho thẩm định hoặc điều tra chính xác của số liệu cũng như không có bất kỳ động thái nào điều tra nguyên nhân thừa, thiếu;

Bà Nguyễn Thị M là nhân viên Thống kê phân xưởng sửa chữa máy móc kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty cho rằng: Thực hiện chức năng của Ban Kiểm soát, hàng năm trên cơ sở báo cáo hoạt động của từng phòng ban thuộc công ty, Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động trong một năm của Công ty. Do đó Ban Kiểm soát cũng không đi sâu vào động của các phòng, ban. Vừa qua, theo yêu cầu của ông T, Công ty V đã tiến hành kiểm kê vật tư thì xác định có thiếu. Còn thiếu vật tư ở giai đoạn nào thì không xác định được. Việc xác định thiếu vật tư là thiếu ở bộ phận sản phẩm còn về vật tư máy móc do tôi quản lý thì không thiếu. Việc thất thoát Clinker tuy không xác định được thất thoát từ giai đoạn nào, năm nào, và thất thoát ở khâu nào, phòng ban nào nhưng theo tôi với cương vị là Giám đốc thì bà S phải có trách nhiệm về thất thoát vật tư hoặc đề nghị Tòa án xác định do bộ phận nào làm thất thoát thì có trách nhiệm bồi thường;

Ông Văn Đức T (Trưởng ban bảo vệ Công ty) trình bày: Về chức năng bảo vệ xuất, nhập hàng như sau: Mỗi lần hàng về (tức nguyên vật liệu: Clinker, đá, phụ gia) thì Ban bảo vệ ghi sổ theo dõi. Phương thức kiểm tra là cân điện tử. Khi xuất nguyên vật liệu để đưa vào sản xuất thì gồm 3 đơn vị, gồm: Thủ kho, Trưởng ca và Ban bảo vệ, do đó không thể thất thoát vật tư tại khâu bảo vệ. Ban bảo vệ, thủ kho, phòng kinh doanh, phòng vật tư đều phải tổng hợp số liệu để báo cáo tháng. Do đó, cho rằng thất thoát vật tư là không có cơ sở. Việc Công ty V kiểm tra thiếu vật tư

Clinker thì thiếu hay không tôi không rõ và thiếu ở giai đoạn nào cũng không xác định được vì như tôi đã trình bày là đầu vào, đầu ra nguyên liệu đều kiểm tra chặt chẽ. Hàng năm, Đại hội cổ đông đều xác định không có thiếu vật tư và vấn đề này cũng không đưa ra tại báo cáo tháng, báo cáo năm hay Đại hội cổ đông nhưng khi bà S bàn giao cho ông T thì lại xác định thiệt hại.

[2.3] Như vậy, số lượng 906,73 tấn Clinker Đồng Lâm còn thiếu không xác định được thiếu trong thời gian nào, ở bộ phận quản lý, sử dụng nào. Trước khi Công ty V tiến hành giám định khối lượng Clinker hiện có trong kho cũng không niêm phong kho. Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm (từ năm 2012 đến hết năm 2018) được Đại hội cổ đông thông qua cũng không thể hiện số lượng vật tư thừa, thiếu. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị (trong đó có ông T) cũng chưa khi nào yêu cầu phải kiểm toán lại các báo cáo tài chính trong giai đoạn từ khi bà S làm Giám đốc cho đến khi bà S nghỉ hưu. Công ty cũng không chứng minh cụ thể được bà S trong thời gian điều hành công ty đã vi phạm các quy định tại Điều 160 và khoản 1 Điều 161 Luật doanh nghiệp năm 2014.

[2.4] Đối với các loại vật tư, tài sản khác khi kiểm kê còn thiếu cụ thể là: vỏ bao xi măng: 5.111 cái; bao Jumbo: 40 cái; bao ni lông loại 3kg: 1.875 cái; bi cầu các loại: 8.736 kg; bộ ấm chén: 110 bộ; bộ ấm trà: 90 bộ thì cũng không thể buộc bà S phải chịu trách nhiệm được vì: Bà S không phải là người trực tiếp quản lý, bảo quản các loại vật tư, tài sản này mà phải có người trực tiếp quản lý, bảo quản, có loại tài sản có thời hạn sử dụng cụ thể. Sau khi kiểm kê cho rằng thiếu các loại vật tư, tài sản với số lượng cụ thể như trên, nhưng Giám đốc công ty chưa xác định ai là người có trách nhiệm quản lý, ai là người được giao bảo quản, sử dụng các tài sản trên mà lại quy trách nhiệm cho Giám đốc cũ là không có căn cứ.

[3] Về trình tự tiến hành xử lý tài sản được xác định là thất thoát: Bản án sơ thẩm cũng nhận định:

Tại “*Biên bản về việc họp xử lý thiệt hại trong quản lý*” ngày 28 tháng 6 năm 2019 (bl 42, 87) bà S cam đoan trả 02 tháng lương là được thư ký ghi tại biên bản nhưng ở phần cuối biên bản, bà S bảo lưu vấn đề tồn kho, 219 triệu tiền bi, 966 tấn xi măng chưa tính chiết khấu tiêu hao và bà S có nêu ý kiến là nếu Công ty Xi măng không thống nhất thì đưa ra Tòa án giải quyết. Do đó Công ty Xi măng cho rằng tại biên bản này, bà S đồng ý bồi thường hoặc căn cứ vào nội dung biên bản này để buộc bà S bồi thường thất thoát là không có cơ sở. Việc thất thoát tài sản công ty không chỉ đơn thuần là ý kiến của các bên theo biên bản họp xử lý thiệt hại ngày 28 tháng 6 năm 2009 mà lãnh đạo Công ty Xi măng phải tiến hành theo trình tự, thủ tục được pháp luật quy định và theo Điều lệ công ty, đó là:

Theo quy định tại Điểm 8.2, Điều 8, Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty Xi măng ban hành tháng 4 năm 2018, thì: “*Khi xảy ra tổn thất tài sản (tài sản bị mất mát, thiếu hụt....) Công ty phải thành lập Hội đồng xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất, lập phương án xử lý kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị*”. Như vậy, trong trường hợp này, bắt buộc Công ty Xi măng phải thành lập Hội đồng để xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất nhưng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát giao quyền cho ông Trần Đình T Giám đốc, thay mặt Hội đồng Quản trị giải quyết tranh chấp với bà S là không khách quan, không phù hợp. Mặt khác, sau khi lập

biên bản xử lý thiệt hại ngày 28/6/2019, bà S liên tục có đơn (bl 127) yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty xi măng làm rõ số liệu thiếu, thừa vật tư và nguyên nhân thất thoát vật tư, đồng thời tổ chức họp cổ đông để giải quyết những vấn đề thừa, thiếu nguyên liệu nhưng Ban kiểm soát xác định là “*đọc đơn cùng nhau nghe*” và xác định nguyên nhân thiếu hụt nằm ngoài khả năng của Ban kiểm soát (bl 117). Tại văn bản ngày 21 tháng 6 năm 2019 (bl 223) gửi cho bà S, thay mặt Ban kiểm soát, bà Nguyễn Thị M xác định là Hội đồng Quản trị thống nhất 100% nội dung là “*giao cho ông Trần Đình T, Giám đốc Công ty thay mặt Hội đồng Quản trị giải quyết theo biên bản bàn giao giữa 02 giám đốc vào ngày 17/5/2019*”, là trái với chức năng, nhiệm vụ “*Giám sát, chỉ đạo Giám đốc...trong điều hành công việc kinh doanh*” của Hội đồng Quản trị quy định tại điểm k, khoản 1 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trái với chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 60 Điều lệ Công ty và Điều 165 Luật Doanh nghiệp, là “*Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh*”. Nhận định của Bản án sơ thẩm là đúng với quy định tại các Điều 149, Điều 165 Luật doanh nghiệp; Điều 60 Điều lệ Công ty và Điều 8, Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty Xi măng N.

[3] Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KSTM-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xi măng N về việc buộc bà Phạm Thị S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền: 668.887.701 đồng là có căn cứ, đúng với các quy định của Luật doanh nghiệp và quy định trong Điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng N. Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần Xi măng N kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Xi măng N; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KSTM-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty cổ phần Công ty Cổ phần Xi măng N phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Xi măng N. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KSTM-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Áp dụng: Điều 146; Điểm k, khoản 1 Điều 149 và Điều 165 Luật doanh nghiệp.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu “*Tranh chấp bàn giao tài sản công ty*” của Công ty Cổ phần Xi măng N về việc buộc bà Phạm Thị S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền: 668.887.701đ.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Công ty Cổ phần Xi măng N phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0004769 ngày 22/10/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí sơ thẩm, quy định về thi hành án được thực hiện theo quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KSTM-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân

Trần Quốc Cường

Nguyễn Văn Tiến